TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số:**16**/2023/DSST Ngày: 21/04/2023. *V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH ĐẮK LẮK

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.

2. Ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H Hương– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar *tham gia phiên tòa*: ông Cao Văn Tiến- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 344/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXX-TA ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn**:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1970. Nơi cư trú: thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

- Bị đơn**:** Bà Phan Thị H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: tổ 3B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Do tôi và bà Phan Thị H có quen biết nên bà H đã vay của tôi 07 (bảy) lần với tổng số tiền vay là 950.000.000đ (chín trăm năm mươi triệu đồng) được thể hiện trong 06 (sáu) giấy vay tiền, cụ thể:

- Ngày 20/11/2019, bà Phan Thị H có vay của tôi số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), bà H viết giấy vay tiền và ký ghi họ tên; hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng và thời hạn trả nợ khi nào tôi cần thì thanh toán.

- Ngày 30/12/2019, bà Phan Thị H có vay của tôi số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), bà H viết giấy vay tiền và ký ghi họ tên; hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng và thời hạn trả nợ khi nào tôi cần thì thanh toán.

- Ngày 06/7/2020, bà Phan Thị H có vay của tôi số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, bà H viết giấy vay tiền và ký ghi họ tên; hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng.

- Ngày 14/7/2020, bà Phan Thị H có vay của tôi số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), bà H viết giấy vay tiền và ký ghi họ tên; hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng và thời hạn trả nợ khi nào tôi cần thì thanh toán.

- Ngày 25/7/2020, bà Phan Thị H có vay của tôi số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng và thời hạn trả nợ khi nào tôi cần thì thanh toán. Khoản vay này do tôi viết trong giấy vay tiền ghi ngày 14/7/2020.

- Ngày 14/8/2020, bà Phan Thị H có vay của tôi số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), bà H viết giấy vay tiền và ký ghi họ tên; hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng và thời hạn trả nợ khi nào tôi cần thì thanh toán.

- Ngày 08/9/2021, bà Phan Thị H có vay của tôi số tiền 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, bà H viết giấy vay tiền và ký ghi họ tên; hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng.

Kể từ thời điểm vay các khoản tiền vay nêu trên đến nay, bà Phan Thị H chưa trả cho tôi số tiền vay và tiền lãi nào. Như vậy, hiện nay bà Phan Thị H còn nợ tôi tổng số tiền vay là 950.000.000đ (chín trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi. Mặc dù, khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/ tháng, nhưng nay tôi chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ

các thời điểm vay tiền đến ngày khởi kiện (22/11/2012) với mức lãi suất là 1,66%/tháng, tổng tiền lãi là 298.302.000đ (hai trăm chín mươi tám triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khẳng định: các lần vay tiền đều không thỏa thuận tiền lãi và thời hạn thanh toán là khi nào tôi cần thì bà H có nghĩa vụ trả nợ. Lời khai của tôi trong quá trình giải quyết vụ án về việc hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng và có 02 lần vay thỏa thuận thời hạn thanh toán 1 tháng là chưa đúng. Sau khi, làm rõ tại phiên tòa bà X xác định: hiện nay bà Phan Thị H còn nợ tôi số tiền vay là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng). Do đó, tôi yêu cầu bà Phan Thị H phải trả cho tôi số tiền vay còn nợ là 680.000.000đ và tiền lãi từ ngày 21/6/2022 (là ngày gửi đơn yêu cầu hòa giải tại chính quyền nơi cư trú chứng minh việc đã yêu cầu bà H phải trả nợ tiền vay) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm. Tiền lãi là 680.000.000đ x 0,83% (10%: 12 tháng) x 10 tháng= 56.440.000đ. Đồng thời, tôi tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay theo đơn khởi kiện là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và một phần tiền lãi là 241.862.000đ (298.302.000đ- 56.440.000đ).

**** Tại bản tự khai ngày 27/12/2022; biên bản lấy lời khai ghi ngày 08/02/2023 và biên bản đối chất ghi ngày 09/02/2023, bị đơn bà Phan Thị H trình bày:*** Thừa nhận tôi có vay tiền của bà Nguyễn Thị X, cụ thể các đợt như sau: ngày 20/11/2019, tôi vay của bà Nguyễn Thị X số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); ngày 30/12/2019, tôi vay của bà Nguyễn Thị X số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); ngày 06/7/2020, tôi vay của bà Nguyễn Thị X số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); ngày 14/7/2020, tôi vay của bà Nguyễn Thị X số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); ngày 14/8/2020, tôi vay của bà Nguyễn Thị X số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Các lần vay trên, tôi đều viết và ký ghi họ tên trong giấy vay tiền. Sau đó, vào khoảng tháng 10/2020, tôi có vay thêm của bà Nguyễn Thị X số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) nhưng khi vay không viết giấy tờ gì. Như vậy, tổng số tiền tôi đã vay của bà Nguyễn Thị X là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Tất cả các khoản vay trên, hai bên đều thỏa thuận miệng tiền lãi là 3.000đ/ 01 triệu/ 01 ngày và không thỏa thuận thời hạn trả nợ, chỉ nói khi nào tôi có tiền thì trả nợ cho bà X. Trong 02 (hai) giấy vay tiền ghi ngày 06/7/2020 và ngày 08/9/2021 có ghi thời hạn thanh toán 1 tháng là do bà X ghi thêm vào.

Đến ngày 08/9/2021, bà X tính tiền lãi tôi còn nợ 04 tháng là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) và tiền vay gốc 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), tổng cộng là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng) nên bà X yêu cầu tôi viết ký giấy vay tiền ghi ngày 08/9/2021. Tôi có yêu cầu bà X hủy các giấy vay trước đó, thì bà X nói lại "chị yên tâm, em hủy giấy tờ đó cho chị" nhưng nay bà X lại dùng những giấy vay tiền trước đó để khởi kiện tôi.

Quá trình vay tiền tôi đã trả cho bà X tiền lãi từ tháng 10/2020 đến tháng 9/2021, mỗi ngày là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, từ ngày 08/9/2021 đến ngày 25/12/2021 do không có tiền nên tôi chỉ trả một ngày số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, tôi không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và cung cấp cho Tòa án.

Đối với nội dung "25/7 chị H mượn 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) được ghi trong giấy vay tiền ghi ngày 14/7/2020", tôi không nhớ có vay khoản tiền này, nội dung nêu trên là do bà X tự viết thêm vào.

Như vậy, hiện nay tôi còn nợ bà Nguyễn Thị X số tiền vay gốc là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi từ tháng 01 năm 2022 đến nay.

Tại phiên tòa, sau khi làm rõ, bị đơn bà Phan Thị H xác định: hiện nay còn nợ bà Nguyễn Thị X số tiền vay là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng). Nguyện vọng, đồng ý trả cho bà X số tiền vay là 680.000.000đ và tiền lãi từ ngày 21/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm là 56.440.000đ (năm mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự, chấp nhận: toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bị đơn bà Phan Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X tổng số tiền 736.440.000đ (bảy trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), gồm tiền vay 680.000.000đ và tiền lãi là 56.440.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với số tiền vay là 270.000.000[đ] và tiền lãi 241.862.000[đ].

Về án phí: bị đơn bà Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: Xét giao dịch giữa bà Nguyễn Thị X và bà Phan Thị H về việc vay tiền, các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp đồng vay tài sản có hiệu lực nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đã yêu cầu trả nợ nhưng bà Phan Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên bà X khởi kiện và Toà án thụ lý giải quyết, phù hợp khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa, sau khi làm rõ các bên đương sự đều xác định: bà Phan Thị H còn nợ bà Nguyễn Thị X số tiền vay là 680.000.000[đ] (sáu trăm tám mươi triệu đồng). Các bên tự nguyện thỏa thuận: bà Phan Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền vay 680.000.000[đ] và tiền lãi từ ngày 21/6/2022 (là ngày bà X yêu cầu bà H phải trả nợ tiền vay) đến ngày xét xử sơ thẩm 21/4/2023 là 10 tháng với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/ tháng) là 56.440.000[đ]. Tổng cộng số tiền phải trả là 736.440.000[đ] (bảy trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Xét việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa, phù hợp với đề nghị của đại diện viện kiểm sát, phù hợp với các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay theo đơn khởi kiện là 270.000.000[đ] (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và một phần tiền lãi là 241.862.000[đ] (298.302.000[đ] là số tiền lãi yêu cầu theo đơn khởi kiện- 56.440.000[đ] là số tiền lãi phải trả). Xét việc rút một phần yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn nêu trên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, cần chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu này.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị H trình bày: trong giấy tờ thể hiện bà sinh năm 1959 nhưng tuổi thực là sinh năm 1967. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H không có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Do đó, căn cứ các Điều 14,15, khoản 2 và khoản 8 Điều 26, điểm c tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị đơn bà Phan Thị H phải chịu 33.457.600^{đ} (ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) án phí sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự; các Điều 14,15, khoản 2, khoản 8 Điều 26, điểm c tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa: bà Phan Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị X tổng số tiền là 736.440.000^{đ} (bảy trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó: tiền vay còn nợ là 680.000.000^{đ} (sáu trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi là 56.440.000^{đ} (năm mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với số tiền vay theo đơn khởi kiện là 270.000.000^{đ} (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và một phần tiền lãi theo đơn khởi kiện là 241.862.000^{đ} (hai trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

[3] Về án phí: bị đơn bà Phan Thị H phải chịu 33.457.600^{đ} (ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) án phí sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X số tiền 22.873.500^{đ} (hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn lăm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0020421 ngày 12/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bên có quyền thoả thuận việc thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Xuấn Chiến